

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG
CỘNG SAFE-CA**

Số:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công bố ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 02 bên;

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, các Bên gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A) :

Người đại diện : Chức vụ :

Mã số thuế :

CMND, CCCD hoặc hộ chiếu : Ngày cấp :

Địa chỉ giao dịch :

Địa chỉ ghi trên hóa đơn :

Điện thoại : Email :

Tài khoản :

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG SỐ AN TOÀN

Người đại diện : **Ông Lý Nguyễn Minh** Chức vụ : **Giám đốc**

Mã số thuế : **0310151055** Ngày cấp : **06/07/2010**

Địa chỉ : **X-04.77, Tòa Nhà North Towers, Sunrise City, 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**

Tổng đài hỗ trợ : **1900-6854** Email : **hotro@safecert.com.vn**

Tài khoản : **006081540001 - Ngân hàng TMCP Đông Á (DongA Bank) - PGD Lê Văn Sỹ**

Sau khi thỏa thuận, các Bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ chữ ký số SAFE-CA với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi, giới hạn sử dụng

Chữ ký số được cấp bởi Bên B tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn bảo mật theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền và được thể hiện trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, Quy chế chứng thực CP/CPS.

Điều 2. Chi phí dịch vụ, phương thức thanh toán

- 2.1 Gói và phí dịch vụ được áp dụng theo quy định của pháp luật và theo "Giấy đăng ký chứng thư số SAFE-CA" của Bên A.
- 2.2 Chi phí thanh toán

STT	Tên dịch vụ	Thời gian	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
VAT (10%)					
Tổng phí thanh toán					

- 2.3 Hình thức thanh toán
- ☐ Chuyển khoản
- ☐ Tại đại lý ủy quyền của bên B (TS24 Corp)

Điều 3. Mức độ bảo mật

- 3.1 Hệ thống phân phối khóa cho Bên A đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Hệ thống phân phối khóa sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.
- 3.2 Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

Điều 4. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

- 4.1 Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó
- 4.2 Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do bên B cấp.
- 4.3 Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của bên A tại thời điểm ký.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ

5.1 Quyền và nghĩa vụ của bên A

- 5.1.1 Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
- 5.1.2 Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số bao gồm:
- 5.1.2.1 Đơn cấp chứng thư số theo mẫu của bên B.

5.1.2.2 Giấy tờ kèm theo:

5.1.2.2.1 Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

5.1.2.2.2 Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.
- 5.1.3 Có quyền yêu cầu bên B tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
- 5.1.4 Cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho bên B.

- 5.1.5 Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, bên A phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp bên A sử dụng thiết bị tạo cặp khóa của bên B.
- 5.1.6 Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.
- 5.1.7 Thông báo trong thời gian 24 giờ cho bên B nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 5.2.1 Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số theo đơn cấp dịch vụ sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của bên A là chính xác.
- 5.2.2 Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.
- 5.2.3 Tạo khóa và phân phối khóa cho bên A
 - 5.2.3.1 Bên A có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản để bên B tạo cặp khóa cho mình.
 - 5.2.3.2 Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến bên A và chỉ được lưu bản sao của bên A khi có yêu cầu bằng văn bản.
 - 5.2.3.3 Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho bên A.
 - 5.2.3.4 Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.
- 5.2.4 Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của bên A liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của bên A là liên tục.
- 5.2.5 Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho bên A trong trường hợp lỗi được xác định của bên B.
- 5.2.6 Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho bên A theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
- 5.2.7 Tiếp nhận thông tin:
Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần liên quan đến việc sử dụng chứng thư số từ bên A.
- 5.2.8 Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:
 - 5.2.8.1 Thông báo ngay cho bên A, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của bên A.
 - 5.2.8.2 Khuyến cáo cho bên A việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.
- 5.2.9 Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới:
 - 5.2.9.1 Trong thời gian tạm dừng, bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.
 - 5.2.9.2 Khi bị thu hồi giấy phép, bên B phải thông báo ngay cho bên A về việc ngừng cung cấp dịch vụ và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của bên A.

Điều 6. Tạm dừng, phục hồi chứng thư số

- 6.1 Trong trường hợp bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ chữ ký số, Bên A phải thông báo cho bên B

bằng văn bản và bên B sẽ xác nhận yêu cầu này của bên A.

- 6.2 Khi bên B có căn cứ để khẳng định rằng chứng thư số được cấp không tuân theo các quy định tại các Điều 24 và 25 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP hoặc khi phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của bên A và người nhận.
- 6.3 Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông.
- 6.4 Khi có căn cứ tạm dừng chứng thư số, Bên B sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời ngay lập tức thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số về việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm ngừng.
- 6.5 Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ để tạm dừng kết thúc hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết.

Điều 7. Thu hồi chứng thư số

- 7.1 Khi bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này được bên B xác minh là chính xác.
- 7.2 Khi bên A là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc bên B là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- 7.3 Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông.
- 7.4 Khi có căn cứ thu hồi chứng thư số, bên B sẽ tiến hành thu hồi chứng thư số, đồng thời, thông báo ngay cho bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc thu hồi.

Điều 8. Hoàn trả phí dịch vụ

- 8.1 Bên B được quyền áp dụng hoàn trả một phần, toàn phần hoặc không hoàn trả phí mà Bên A đã thanh toán khi đăng ký hoặc gia hạn lại dịch vụ.
- 8.2 Trường hợp liên quan đến việc hoàn trả, Bên A bắt buộc phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B theo đúng quy định của Bên B.
- 8.3 Điều kiện hoàn trả chỉ áp dụng cho những trường hợp mà Bên B chưa cung cấp dịch vụ do thiếu hồ sơ và mức hoàn trả được áp dụng như sau:
 - 8.3.1 Trong vòng 30 ngày đầu: Hoàn trả 100% giá trị hợp đồng.
 - 8.3.2 Từ ngày 31 đến ngày 60: Hoàn trả 80% giá trị hợp đồng.
 - 8.3.3 Từ ngày 61 đến ngày 90: Hoàn trả 50% giá trị hợp đồng.
 - 8.3.4 Từ ngày 91 trở đi: Không hoàn trả phí dịch vụ.
- 8.4 Phí dịch vụ ngân hàng sẽ được Bên B áp dụng theo mức phí hiện hành của từng ngân hàng đối với thủ tục hoàn trả cho bên A.
- 8.5 Bên B xử lý yêu cầu hoàn trả trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên B tiếp nhận văn bản yêu cầu của Bên A.

Điều 9. Bảo hành bảo trì

Thiết bị lưu trữ khoá bí mật được bảo hành trong 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Trừ trường hợp: thiết bị bị vỡ, bị dính nước, cháy nổ, biến dạng, hư hỏng do các loại hóa chất, chất lỏng... và hư hại không còn giữ nguyên hiện trạng ban đầu.

Điều 10. Thời hạn và chấm dứt

- 10.1 Thời hạn: Theo thời gian "Giấy đăng ký chứng thư số SAFE-CA" mới nhất của Bên A.
- 10.2 Chấm dứt hợp đồng: Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau.
 - 10.2.1 Sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn tất cả các dịch vụ mà Bên A vẫn không thanh toán phí dịch vụ cho Bên B.
 - 10.2.2 Bên A vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

10.2.3 Khi có quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Bên B ngừng cung cấp dịch vụ.

- 10.3 Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi chứng thư số của Bên A hết hạn và Bên A không yêu cầu gia hạn chứng thư số, không tiếp tục thanh toán cước phí duy trì dịch vụ theo quy định và các bên không xảy ra tranh chấp.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các Bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và các Bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh Bên thua kiện chịu.

Điều 12. Điều khoản chung

- 12.1 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.
- 12.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải được các Bên nhất trí và lập thành bổ sung hợp đồng.
- 12.3 Hợp đồng gồm 05 trang, được lập thành 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 01 bản, Bên A giữ 01 bản.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A)

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B)

GIÁM ĐỐC

LÝ NGUYỄN MINH